

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2023.

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Nhận và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2023 về việc tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996, có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1995, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Tiên Vỹ, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người đại diện của anh V: Ông Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1970, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Tiên Vỹ, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh V: Bà Nguyễn Thị Chi, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương; có mặt.

5. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, các bên đương sự đều trình bày: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/10/2015. Sau khi kết hôn hai bên chung sống đến khoảng năm

2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L xác định, mâu thuẫn vợ chồng do hai bên không hợp tính nết, thường xuyên xô xát cãi vã; gia đình anh V không có sự yêu thương, chia sẻ, cảm thông với chị. Anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng do chị L không có ý thức chăm lo cho gia đình, có biểu hiện chơi bời, cư xử không đúng mực, nhiều lần đã tự ý rời bỏ gia đình. Khi hai bên phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không thành và đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay chị L, anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; chị L đề nghị được ly hôn anh V; anh V đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị L, anh V khai nhận có ba con là Nguyễn Thị M. T, sinh ngày 10/12/2016; Nguyễn Đức M. T, sinh ngày 29/6/2018 và Nguyễn Đức M. K, sinh ngày 29/6/2018. Hiện các con do anh V nuôi dưỡng và ở cùng với gia đình ông Tr (bố anh V). Khi ly hôn, chị L, anh V đều có quan điểm, nếu ly hôn thì giao cả ba con cho anh V nuôi dưỡng. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con cho anh V ở mức từ 900.000đ đến 1.000.000đ/tháng/con, kể từ tháng 9/2023, cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh V đề nghị chị L cấp dưỡng tiền nuôi con theo pháp luật.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị L, anh V không yêu cầu giải quyết.

Người đại diện của anh V là ông Nguyễn Đức Tr (bố anh V) và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh V là bà Nguyễn Thị Chi, đều xác định: Chị L, anh V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết; khi phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành và đã sống ly thân, đến nay không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Nay các bên đương sự ly hôn, ông Tr và bà Chi đề nghị quyết theo pháp luật. Nếu các bên đương sự ly hôn, ông Tr và bà Chi đề nghị Tòa án giao cả ba con cho anh V nuôi dưỡng bởi lẽ từ trước đến nay cũng như khi chị L sống ly thân, các cháu T, T, K đều do anh V nuôi dưỡng và ở cùng gia đình ông Tr. Nếu anh V được nuôi dưỡng các con chung, ông Tr xác định sẽ cùng với gia đình tiếp tục hỗ trợ anh V trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung của đương sự. Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con của chị L cho anh V, ông Tr và bà Chi đề nghị giải quyết theo pháp luật. Đối với tài sản, nợ, công sức của chị L, anh V, ông Tr và bà Chi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bà M (mẹ của chị L) xác định: Chị L, anh V là vợ chồng. Quá trình chung sống hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, đến nay không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Bà M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh V; giao các cháu T, T, K cho anh V nuôi dưỡng vì điều kiện nuôi dưỡng của anh V tốt hơn so với chị L.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực

hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử, chị L được ly hôn anh V; giao con chung là các cháu T, T, K cho anh V nuôi dưỡng; chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con cho anh V ở mức khoảng từ 900.000đ đến 1.000.000đ/tháng/con, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức V được xác định là người khuyết tật. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh V, Tòa án đưa ông Nguyễn Đức Tr (là bố anh V) vào tham gia tố tụng, với tư cách là người đại diện của anh V và xác nhận bà Nguyễn Thị Chi, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Đức V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/10/2015, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn sự tin tưởng, tôn trọng nhau và đã sống ly thân. Theo chính quyền địa phương, người thân trong gia đình của đương sự, đều xác định: Mâu thuẫn giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, đã sống ly thân và không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho các bên đương sự được tham gia phiên hòa giải, mục đích để tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân nhưng chính các bên đương sự đều thờ ơ, không mong muốn tham gia phiên hoà giải, chị L thì cương quyết xin ly hôn, còn anh V cũng không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, có đủ căn cứ xác định: Tình trạng hôn nhân giữa các bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; xử cho chị L được ly hôn anh V.

[3]. Về quan hệ con chung: HĐXX xác định chị L, anh V có ba con chung là các cháu Nguyễn Thị M. T, sinh ngày 10/12/2016; Nguyễn Đức M. T, sinh ngày 29/6/2018 và Nguyễn Đức M. K, sinh ngày 29/6/2018; hiện tại cả ba con chung đều do anh V nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L, anh V đều có quan điểm, giao các con cho anh V nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận nguyện vọng của đương sự, người tham gia tố tụng khác trong vụ án

cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao các con chung cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, tránh xáo trộn về nơi ở cũng như việc học tập, vui chơi của các cháu T, T, K.

Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung, HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại Điều 82, 116 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét, chị L hiện tại đang làm việc cho Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Bình Long Đông Á và có thu nhập thực tế. Vì vậy, chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con cho anh V ở mức khoảng 900.000đ/tháng/con, tổng ba con là 2.700.000đ/tháng, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các con của chị L, anh V đủ 18 tuổi. Do giao các con chung cho anh V nuôi dưỡng, nên chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con, không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản, nợ, công sức: Chị L, anh V không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Đức V.
2. Về quan hệ con chung: Giao các con là Nguyễn Thị M. T, sinh ngày 10/12/2016; Nguyễn Đức M. T, sinh ngày 29/6/2018 và Nguyễn Đức M. K, sinh ngày 29/6/2018 cho anh Nguyễn Đức V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cho anh Nguyễn Đức V 900.000đ/tháng/con (tổng ba con là 2.700.000đ/tháng), kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu (nộp) 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003479 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị L phải chịu (nộp) 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện của anh Nguyễn Đức V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người đại diện của anh V;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh V;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu Toà án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn